

PHỤ LỤC 01

**TỔNG HỢP THỰC TRẠNG HỘ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ THUỘC DIỆN
HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ KHÓ KHĂN, HỘ BẢO TRỢ XÃ HỘI**

(Kèm theo Kế hoạch số 463/KH-UBND ngày 04/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Ấp/khóm	Tổng số hộ DTTS	Trong đó			Hộ có đối tượng BTXH				Hộ có nhà tạm, nhà dột nát				Hộ thiếu đất ở				Hộ thiếu đất sản xuất				Hộ thiếu việc làm thường xuyên				Ghi chú
			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khó khăn	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó							
							Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khó khăn		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khó khăn		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khó khăn		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khó khăn					
	TỔNG CỘNG	31.514	534	793	3.065	540	86	109	345	1.838	190	238	1.410	525	58	40	427	2.142	237	335	1.570	798	98	132	568	
1	Phường Giá Rai	2.117	78	178	109	45	2	16	27	56	2	13	41	5	-	3	2	58	3	15	40	63	3	14	46	
2	Phường Bạc Liêu	2.401	1	-	51	10	1	-	9	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	42	-	-	42	
3	Phường Vĩnh Trạch	1.763	1	15	32	5	1	4	-	1	-	1	-	-	-	-	-	11	1	9	1	43	1	14	28	
4	Phường Hiệp Thành	3.282	16	58	202	66	10	15	41	72	5	20	47	27	6	10	11	193	11	51	131	94	8	20	66	
5	Phường An Xuyên	1.354	1	5	-	2	-	2	-	2	-	-	2	-	-	-	-	1	-	-	1	2	-	1	1	
6	Xã Hòa Bình	1.563	15	35	34	-	-	-	-	55	11	15	29	7	3	4	-	40	5	20	15	-	-	-	-	0
7	Xã Vĩnh Hậu	2.283	20	17	231	39	5	3	31	105	10	7	88	15	-	-	15	226	17	14	195	27	-	-	27	
8	Xã Hưng Hội	2.122	19	27	11	15	8	7	-	22	7	11	4	7	1	2	4	25	8	7	10	11	3	3	5	
9	Xã Hồng Dân	2.276	18	28	147	-	-	-	-	3	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
10	Xã Ninh Thạnh Lợi	1.066	38	81	432	56	3	6	47	478	38	82	358	98	-	-	98	167	-	1	166	-	-	-	-	
11	Long Điền	851	33	34	37	6	3	2	1	40	7	9	24	6	3	1	2	101	28	33	40	9	1	8	-	
12	Xã Vĩnh Mỹ	691	1	7	105	12	-	-	12	22	-	-	22	1	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	
13	Xã Phước Long	539	8	10	64	21	7	8	6	31	-	7	24	6	-	-	6	33	5	-	28	20	2	1	17	
14	Xã Vĩnh Phước	462	3	9	4	22	-	1	21	12	-	-	12	7	-	-	7	58	-	1	57	6	-	-	6	
15	Xã Ninh Quới	437	6	3	86	-	-	-	-	93	6	3	84	93	6	3	84	-	-	-	-	-	-	-	-	
16	Xã Vĩnh Lộc	427	11	1	79	1	1	-	-	55	-	-	55	7	-	-	7	32	2	1	29	24	6	-	18	
17	Xã Vĩnh Lợi	321	2	12	6	6	2	2	2	6	1	3	2	1	1	-	-	13	1	10	2	8	2	4	2	
18	Xã U Minh	379	5	10	11	3	1	1	1	2	1	-	1	1	1	-	-	21	3	10	8	-	-	-	-	
19	Xã Khánh Lâm	721	40	15	324	37	9	7	21	121	21	1	99	30	1	1	28	155	8	9	138	7	1	-	6	
20	Xã Khánh An	138	7	2	27	5	1	1	3	18	4	1	13	2	-	-	2	38	7	2	29	10	6	-	4	
21	Xã Nguyễn Phích	216	8	4	44	10	1	3	6	21	5	1	15	9	1	1	7	38	5	4	29	-	-	-	-	
22	Xã Thanh Tùng	530	44	14	105	33	9	5	19	35	12	1	22	24	5	3	16	161	44	13	104	158	39	13	106	
23	Xã Quách Phẩm	328	13	14	47	16	3	6	7	26	4	3	19	10	2	-	8	39	8	8	23	16	3	1	12	
24	Xã Tân Tiến	255	2	7	36	6	1	2	3	21	-	3	18	9	-	-	9	28	1	4	23	-	-	-	-	
25	Xã Tân Thuận	207	23	14	37	6	3	-	3	72	24	12	36	27	16	2	9	50	20	8	22	17	1	5	11	
26	Xã Trần Phán	133	3	3	33	6	-	-	6	17	-	-	17	12	2	-	10	33	1	1	31	2	-	-	2	
27	Xã Đầm Dơi	225	3	1	39	5	-	-	5	28	-	-	28	-	-	-	-	25	-	-	25	-	-	-	-	

TT	Áp/khóm	Tổng số hộ DTTS	Trong đó			Hộ có đối tượng BTXH				Hộ có nhà tạm, nhà dột nát				Hộ thiếu đất ở				Hộ thiếu đất sản xuất				Hộ thiếu việc làm thường xuyên				Ghi chú
			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khó khăn	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó							
							Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khó khăn		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khó khăn		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khó khăn		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ khó khăn					
28	Xã Tân Lộc	429	6	26	40	-	-	-	-	36	2	5	29	-	-	-	-	62	4	22	36	34	3	20	11	
29	Xã Trí Phải	200	4	6	10	-	-	-	-	20	4	6	10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
30	Xã Hồ Thị Kỳ	636	18	23	75	11	2	2	7	30	8	9	13	2	-	-	2	81	11	19	51	-	-	-	-	
31	Xã Đá Bạc	733	17	16	300	53	3	6	44	108	2	1	105	64	3	-	61	225	12	7	206	52	-	2	50	
32	Xã Khánh Bình	484	26	33	34	-	-	-	-	42	1	3	38	3	1	1	1	24	3	3	18	8	6	2	-	
33	Xã Khánh Hưng	507	15	18	69	12	4	4	4	59	5	3	51	10	2	2	6	66	10	11	45	66	7	7	52	
34	Xã Trần Văn Thời	301	4	14	38	18	2	4	12	34	-	7	27	13	-	-	13	41	4	9	28	17	2	4	11	
35	Xã Cái Đôi Vàm	309	6	24	-	-	-	-	-	7	2	5	-	9	3	6	-	30	6	24	-	-	-	-	-	
36	Xã Cái Nước	250	6	6	28	9	4	1	4	13	-	1	12	3	-	1	2	23	5	3	15	22	3	4	15	
37	Xã Đất Mũi	236	9	6	107	-	-	-	-	59	7	5	47	17	1	-	16	6	-	-	6	20	-	4	16	
38	Xã Đất Mới	199	3	11	3	-	-	-	-	2	-	-	2	-	-	-	-	15	3	11	1	-	-	-	-	
39	Xã Lương Thế Trân	143	1	6	28	4	-	1	3	13	-	-	13	-	-	-	-	23	1	5	17	20	1	5	14	